

### 3. Các Văn bản đệ trình tới Ban Thư ký UNFCCC cùng với báo cáo thẩm định

3.1 Phương thức liên hệ

3.2 Công văn xác nhận của FDF

3.3 Công văn phê duyệt của DNA Việt Nam

## Phương thức liên hệ

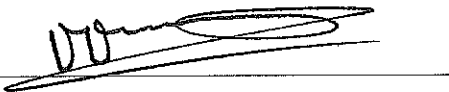
Để liên hệ với Ban chấp hành CDM và Ban thư ký UNFCCC, thành viên tham gia dự án “Tái trồng rừng Cao Phong”, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công báo:

### 1. Tên dự án: Dự án tái trồng rừng Cao Phong

### 2. Thành viên tham gia dự án:

Tên chính thức: Quỹ Phát triển rừng (FDF)  
Người đại diện: Ông Vũ Đình Việt  
Điện thoại: +84-(0)2183-844344  
Fax: +84-(0)2183-845278  
Email: fund.fdf@gmail.com  
Địa chỉ: Trạm Khuyến nông, Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam

Mẫu chữ ký: \_\_\_\_\_



### 3. Bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chính

Thành viên dự án chính thức bổ nhiệm Ông Phùng Văn Khoa là phó Giám đốc của FDF là người đầu mối liên lạc cho các công việc sau:

- (a) Liên hệ với Văn phòng UNFCCC và Ban chấp hành CDM về vấn đề mục đích đăng kí và hoặc cấp phát đăng kí.
- (b) Có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Ban thư ký UNFCCC và liên hệ với Ban chấp hành CDM về việc cấp/chuyển CER.
- (c) Có quyền đề nghị bổ sung thành viên dự án và hoặc liên hệ với các thành viên tự nguyện rút khỏi dự án, và để cập nhật những thông tin cá nhân của các thành viên tham gia dự án (bao gồm những thay đổi về tên, địa chỉ, tình trạng pháp lý....)

#### **Người đầu mối liên lạc:**

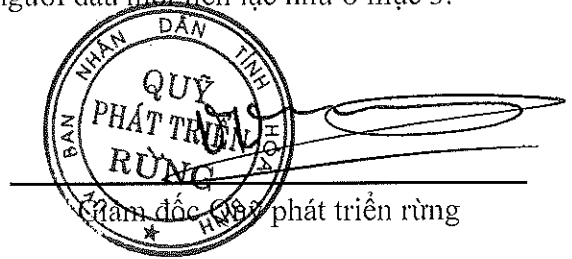
Tên: Ông Phùng Văn Khoa  
Điện thoại: +84-(0)433-721-331, +84-914-635-052 (mobile)  
Fax: +84-(0)433-840-540  
Email: [khoaduongfuvcsu@gmail.com](mailto:khoaduongfuvcsu@gmail.com), [khoaduongfuv@yahoo.com](mailto:khoaduongfuv@yahoo.com)

Địa chỉ: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Quản lý Tài nguyên rừng & Môi trường, Đại học Lâm nghiệp Việt Nam, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội

Mẫu chữ ký: 

#### 4. Tuyên bố thoả thuận

Tuyên bố này sẽ có giá trị cho tới khi một bản tuyên bố thay thế được gửi tới Ban chấp hành CDM và Ban thư ký UNFCCC bằng việc bổ nhiệm người đầu mối liên lạc như ở mục 3.



Vũ Đình Việt

Số:  
Vv: Công báo thực hiện dự án tái trồng rừng Cao Phong ở xã Bắc Phong và Xuân Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình là cộng đồng dân cư có thu nhập thấp  
- dân cư có thu nhập thấp

Hoà Bình, ngày 4 tháng 11 năm 2008

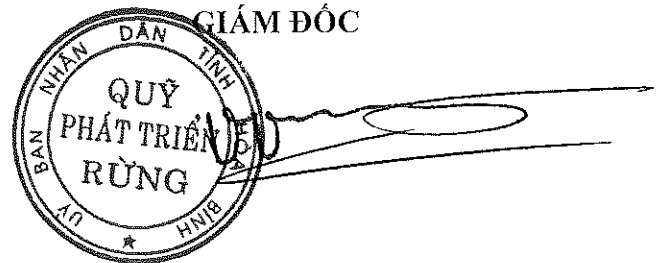
Kính gửi : JACO CDM Ltd., Tokyo, Nhật Bản

## CÔNG BÁO

Chúng tôi, Quỹ phát triển rừng tỉnh Hoà Bình, công báo rằng người dân địa phương sẽ thực hiện dự án tái trồng rừng Cao Phong ở xã Bắc Phong và Xuân Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình là cộng đồng dân cư có thu nhập thấp. Điều này đã được công nhận trong Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban dân tộc về việc công nhận ba khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển và Nghị định số 108/2006/ND-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của chính phủ hướng dẫn thực hiện các điều khoản của pháp luật về đầu tư.

Nơi nhận:

- Lưu: Quỹ phát triển rừng



Vũ Đình Việt



**MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF VIET NAM**

**VIET NAM NATIONAL STEERING COMMITTEE FOR UNFCCC AND KYOTO PROTOCOL**

**DEPARTMENT OF METEOROLOGY, HYDROLOGY AND CLIMATE CHANGE**

**8 Phao Dai Lang street - Dong Da - Ha Noi - Viet Nam**

**Tel: (84 4) 37759384/37759385 - Fax: (84 4) 37759382 - Email: [vnccoffice@fpt.vn](mailto:vnccoffice@fpt.vn)**

Ref: 39/2008/DMHCC-BCD

Hanoi, 20 November 2008

**To: Project Participants and Designated Operational Entity**

***Subject:** Viet Nam DNA's Letter of Approval for the Cao Phong Reforestation Project*

Sir/Madam

Regarding the Cao Phong Reforestation Project developed by Forest Development Fund, the Designated National Authority (DNA) of Viet Nam under the Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE) of Viet Nam is authorized to issue a Letter of Approval for this CDM project activity in Viet Nam and would like to confirm that:

1. The Government of Viet Nam has ratified the Kyoto Protocol on 25 September 2002;
2. This is approval of voluntary participation in the proposed CDM project activity;
3. The above - mentioned project activity contributes to sustainable development in Viet Nam.

Yours sincerely,



**Nguyen Khac Hieu**

Deputy Director General,

Viet Nam National Steering Committee for UNFCCC and Kyoto Protocol  
Department of Meteorology, Hydrology and Climate Change, MONRE  
DNA of Viet Nam

4. Kết quả tính toán lại lượng GHG được loại bỏ bằng hấp thụ

## BIỂU QUÁ TRÌNH SINH TRƯỞNG RỪNG TRỒNG KEO TẠI TƯỢNG TÀI CAO PHONG - HÒA BÌNH

Mật độ trồng: 1600 cây/ha

Cấp đất: III

Chu kỳ kinh doanh: 15 năm

Năm dự án	T	Bộ phận nuôi dưỡng (Remain part)								Bộ phận tỉa thưa (Thinning part)		
		N1	H (m)	D (cm)	V(m <sup>3</sup> /tree)	M (m <sup>3</sup> /ha)	Zm (m <sup>3</sup> /ha/yr)	ΔM (m <sup>3</sup> /ha/yr)	Pm%	Nc (c/ha)	Mc (m <sup>3</sup> /ha)	ΔMc (m <sup>3</sup> /ha/yr)
Năm 3	2	1600	4,3	4,8	0,0	8,4		4,2				
Năm 4	3	1600	6,6	6,6	0,0	22,1	13,7	7,4	62,1			
Năm 5	4	1600	8,3	8,0	0,0	39,4	17,3	9,9	43,9			
Năm 6	5	1600	9,8	9,2	0,0	58,5	19,1	11,7	32,6			
Năm 7	6	1600	11,0	10,2	0,0	78,3	19,8	13,0	25,3			
Năm 8	7	1600	12,0	11,1	0,1	98,2	19,9	14,0	20,3			
Năm 9	8	800	12,9	11,8	0,1	59,0	-39,3	7,4	-66,6	800	49,1	6,1
Năm 10	9	800	13,7	12,5	0,1	68,6	9,7	7,6	14,1			
Năm 11	10	800	14,3	13,1	0,1	78,0	9,4	7,8	12,1			
Năm 12	11	800	14,9	13,7	0,1	87,2	9,1	7,9	10,5			
Năm 13	12	800	15,5	14,2	0,1	96,0	8,8	8,0	9,2			
Năm 14	13	800	16,0	14,7	0,1	104,6	8,5	8,0	8,2			
Năm 15	14	800	16,4	15,1	0,1	112,8	8,3	8,1	7,3			
Năm 16	15	800	16,8	15,5	0,2	120,8	8,0	8,1	6,6			
Năm 17	16	800	17,2	15,9	0,2	128,5	7,7	8,0	6,0			
Năm 18	17	800	17,5	16,2	0,2	136,0	7,5	8,0	5,5			
Năm 19	18	800	17,9	16,6	0,2	143,2	7,2	8,0	5,0			

Trong đó:

$$H = 30 e^{-2.9389/T^{0.6}}$$

$$D = 39.8 e^{-2.7835/T^{0.4}}$$

$$V = 0.000088 * D^{1.47077} * H^{1.21099}$$

$$M = N1 * V$$

$$Zm = M(t) - M(t-1)$$

$$\Delta M = Ma/T$$

$$Mc = M(t-1) * Kv$$

$$Kv \text{ is thinning coefficient by volume} = 0,355 \rightarrow 0,5$$

Kv= 0,5

## BIỂU QUÁ TRÌNH SINH TRƯỞNG RỪNG TRỒNG KEO LÁ TRÀM TẠI CAO PHONG - HÒA BÌNH

**Mật độ trồng: 2000 cây/ha**

Cấp đất: III

Chu kỳ kinh doanh: 15 năm

A	Bộ phận nuôi dưỡng (Main part)								Bộ phận tỉa thưa (Thinning part)			Tổng		
	Mật độ tiêu chuẩn	Độ cao		Độ cao trung bình	DBH	Vùng cơ bản	Hệ số độ cao		Khối lượng	Mật độ KH	Mật độ tỉa thưa	Khối lượng		Khối lượng
	cây/ha	m		m	cm	cm <sup>2</sup>	m		m <sup>3</sup> /ha	tree/ha	tree/ha	m <sup>3</sup> /ha		m <sup>3</sup> /ha
	N1	Hg	Ln(Ho)	Ho	Dg	G	HF	LnM	M1	N2	Nc	Mc	LnM	M2
3	2000	4,1	1,5	4,6	4,1	1,7	3,7	1,8	6,0				1,8	6,0
4	2000	5,7	1,9	6,4	5,9	3,5	4,2	2,7	14,6				2,7	14,6
5	2000	7,1	2,1	8,0	7,5	5,6	4,7	3,3	26,3				3,3	26,3
6	2000	8,3	2,2	9,4	8,9	7,8	5,1	3,7	40,0				3,7	40,0
7	2000	9,3	2,4	10,5	10,0	9,9	5,5	4,0	54,2				4,0	54,2
8	2000	10,2	2,4	11,5	13,1	10,6	5,8	4,1	61,4	1585	415	8,1	4,2	69,5
9	1585	11,4	2,6	12,9	14,7	13,4	6,2	4,4	82,7	1585			4,4	82,7
10	1585	12,1	2,6	13,7	15,6	15,1	6,4	4,6	97,0	1585			4,6	97,0
11	1585	12,8	2,7	14,5	16,5	16,9	6,7	4,7	112,8	1585			4,7	112,8
12	1585	13,4	2,7	15,2	23,1	15,0	6,9	4,6	103,3	1067	518	24,2	4,8	127,5
13	1067	13,9	2,8	15,8	24,0	16,2	7,1	4,7	113,9	1067			4,7	113,9
14	1067	14,4	2,8	16,4	24,8	17,3	7,2	4,8	125,3	1067			4,8	125,3
15	1067	14,8	2,8	16,8	25,5	18,3	7,4	4,9	134,8	1067			4,9	134,8

**Trong đó:**

$$\text{LnHo} = 0,0892 + 1,0144 * \text{LnHg}$$

$$\text{Ln M} = -6,26021 + 2,64127 \text{ lnHo} + 0,5319 \text{ LnN}$$

$$\text{HF} = 2,271 + 0,3031 \text{ Ho}$$

$$\text{G} = \text{M}/\text{HF}$$

$$\text{Dg} = \sqrt{(4/3,14) * (\text{G}/\text{N})}$$

$$\text{Mc} = \text{M2} - \text{M1}$$





## 5. Danh sách các văn bản đệ trình tới DOE để trả lời về những vấn đề cần được giải thích làm sáng tỏ, theo yêu cầu của DOE.

5.1 Danh sách các tài liệu

5.2 Hợp đồng phác thảo giữa FDF và người dân địa phương

5.3 Phác thảo Quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP)

5.4 Giải trình về những điều còn thiếu sót và chưa rõ ràng

## Danh sách các tài liệu minh chứng cung cấp cho nhóm chuyên gia thẩm định

	Tài liệu	Mã số các nội dung minh chứng trong báo cáo thẩm định
1.	Báo cáo giữa kì (2) nghiên cứu của JICA ( Tháng 3/2008)	CL1, CL1a, CL5, CL6, CL7, CL8, CL10
2.	<p>(a) Nghị định Số. 108/2006/ND-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 hướng dẫn thực hiện một số điều khoản của Luật đầu tư</p> <p>(b) Quyết định Số. 393/2005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2005 của UB dân tộc công nhận ba khu vực vùng dân tộc thiểu số và vùng núi cao theo trình độ phát triển.</p> <p>(c) Quyết định Số. 301/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2006 của UB dân tộc công nhận ba khu vực vùng dân tộc thiểu số và vùng núi cao theo trình độ phát triển</p> <p><i>(các tài liệu trên chỉ rõ trình độ phát triển của các xã và huyện thuộc vùng dự án)</i></p>	CL2 (2)
3.	<i>Quyết định Số. 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 về các chỉ tiêu Kinh tế và Công nghệ (TEN) của khu vực có rừng, rừng tự nhiên có sự tái sinh và bảo vệ rừng</i>	CL3
4.	<p>Các minh chứng về hàm lượng dinh dưỡng trong phân bón “NPK-S Lâm Thao”</p> <p>(Đã cung cấp cho nhóm chuyên gia thẩm định nội dung về hàm lượng dinh dưỡng ghi trên bao bì túi phân)</p>	CL4
5.	<p>(a) Bản sao (copy) chứng nhận quyền sử dụng đất đã phát cho các chủ đất trong vùng dự án</p> <p>(b) Luật đất đai (2004)</p>	CL5, CL11
6.	Hợp đồng phác thảo giữa FDF và những người tham gia dự án (người dân địa phương)	CL5
7.	Một bản sao tài liệu về các tiêu chí đánh giá độ màu mỡ của đất	CL8
8.	<p>Thông báo Số. 195/2005/TB-VPCP ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Văn phòng chính phủ về những kết luận của người được uỷ quyền của Thủ tướng chính phủ Nguyễn Tấn Dũng trong hội thảo đánh giá việc thực hiện Chương trình tái trồng 5 triệu ha rừng và bảo vệ rừng.</p> <p>(thông báo này trình bày đánh giá chung về việc thực hiện 5MHRP)</p>	CL9 (2)
9.	Phác thảo Quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP) của dự án	CL15, CL16, CL17, CL18, và CL20 (3)
10.	<p>(a) Báo cáo kết quả nghiên cứu: Xây dựng biểu tăng trưởng và sản lượng của rừng trồng Keo tai tượng để kinh doanh lấy gỗ ở phía Đông - Bắc, MARD và Trường Trung cấp lâm nghiệp Số 1, tỉnh Quảng Ninh 2001-2002</p> <p>(b) Xây dựng biểu tăng trưởng cho Keo lá tràm, MARD và Đại học lâm nghiệp, 1996</p> <p>(c) Báo cáo kết quả nghiên cứu: Nghiên cứu giá trị tài nguyên của các loài lâm sản chính, thu thập và phát triển một số loài cây quý đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu, Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, 1995</p> <p><i>[Mục (a) ,(b) ở trên trình bày như nhau để thể hiện biểu tăng trưởng của Keo tai tượng và Keo lá tràm và mục (c) trình bày về khối lượng thể tích của hai loài này]</i></p>	CL20

	<b>Tài liệu</b>	<b>Mã số các nội dung minh chứng trong báo cáo thẩm định</b>
11.	(a) Giải thích về sự khiêm tốn trong ước tính lượng GHG được loại bỏ (b) Giải thích những điều chưa rõ ràng trong tính GHG được loại bỏ (c) Giải thích về sự khiêm tốn trong ước tính đường cơ sở	CL21 CL22 CL23
12.	Nghị định Số. 80/2006/NĐ-CP (09/08/2006) chỉ rõ và hướng dẫn thực hiện một số các điều khoản của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định chỉ ra rằng việc thực hiện của EIA không được yêu cầu đối với dự án tái trồng rừng qui mô dưới 1000ha)	CL26
13.	Nghị định Số. 79/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2003 công bố nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ ở cấp xã (Nghị định chỉ ra yêu cầu về sự tham gia của các bên liên quan ở cấp xã tại Việt Nam)	CL27

Những tài liệu của mục 6, 9 và 11 được đính kèm dưới đây

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THAM GIA DỰ ÁN  
TÁI TRỒNG RỪNG THEO CƠ CHẾ PHÁT TRIỂN SẠCH Ở HUYỆN  
CAO PHONG, TỈNH HOÀ BÌNH**

Số...../ .....

Ngày .... tháng ..... năm .....

- Căn cứ Bộ luật dân sự của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào kế hoạch thực hiện Dự án tái trồng rừng theo cơ chế phát triển sạch ở huyện Cao Phong - tỉnh Hoà Bình được những người tự nguyện tham gia dự án và Quỹ Phát Triển Rừng nhất trí, được chính quyền địa phương thông qua ngày .....tháng .... năm.....
- Căn cứ vào yêu cầu của việc tham gia dự án và khả năng đáp ứng của hộ gia đình/cá nhân ông/bà.....

Hợp đồng này được lập và ký kết vào ngày ..... tháng .... năm ..... tại UBND xã....., huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình giữa:

**Bên A:**

- Tên đơn vị: Quỹ Phát Triển Rừng
- Địa chỉ: Trạm khuyến nông, khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình.
- Điện thoại: (84) 0218 3844 344
- Fax: (84) 0218 3845 278
- Đại diện là ông/bà:....., chức vụ: Giám đốc/Phó Giám đốc

Và

**Bên B:**

- Tên hộ gia đình: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại:.....
- Đại diện là ông/bà:..... Vai trò trong gia đình: chủ hộ gia đình

Sau khi trao đổi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng này với các điều khoản sau:

### **Điều 1: Nội dung của hợp đồng**

- Tham gia thực thi Dự án Tái trồng rừng theo cơ chế phát triển sạch ở huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình.

### **Điều 2: Trách nhiệm của bên A (Quỹ Phát Triển Rừng-FDF):**

#### ***Trách nhiệm:***

- Bên A phải thực hiện đầy đủ các hoạt động cung cấp vật tư, vật liệu và tư vấn kỹ thuật của Dự án đã được quy định trong thiết kế.
- Có trách nhiệm giám sát tất cả các khâu công việc trong quá trình thực thi dự án theo thiết kế và theo các quy định hiện hành của ngành Lâm nghiệp và của địa phương.

#### ***Quyền lợi:***

- Bên A là một tổ chức phi lợi nhuận, nên không có quyền lợi nào cho các thành viên cũng như lãnh đạo Quỹ. Tuy nhiên, để có thể duy trì các hoạt động của Quỹ trong thời gian thực thi dự án, bên A được phép sử dụng:
  - 25% giá bán sản phẩm gỗ tía thưa và gỗ khai thác
  - 50% giá bán tín chỉ cacbon do Dự án mang lại.

### **Điều 3: Trách nhiệm và quyền lợi của bên B (Hộ gia đình tham gia Dự án)**

#### ***Trách nhiệm:***

- Đảm bảo đất trong vùng dự án là đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng pháp luật và không có tranh chấp.
- Thực hiện trồng rừng, bảo vệ chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng theo đúng thiết kế kỹ thuật.
- Không được tự ý tác động vào rừng trồng của dự án khi chưa có sự nhất trí bằng văn bản của bên A; đồng thời có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho bên A khi rừng trồng gặp các rủi ro như thiên tai, dịch hại.....

#### ***Quyền lợi:***

- Bên B được cung cấp cây giống, phân bón và hỗ trợ kỹ thuật cho việc trồng rừng
- Được hỗ trợ tiền công tham gia trồng rừng, bảo vệ và chăm sóc rừng trồng theo thiết kế.
- Được đề xuất các ý kiến nhằm làm tăng hiệu quả sản xuất, chất lượng rừng với bên A để hai bên cùng xem xét xử lý.
- Được hưởng các lợi ích:
  - + 100 % Các sản phẩm tía thưa (gỗ củi/gỗ nhỏ) theo thiết kế;
  - + 75% giá bán của gỗ tía thưa (gỗ lớn) và gỗ khai thác ở cuối chu kỳ
  - + 50% giá bán tín chỉ cacbon do Dự án này mang lại.

**Điều 4: Thời gian thực hiện hợp đồng**

Hợp đồng này được thực hiện trong suốt thời gian thực thi dự án theo thiết kế, kể từ khi bắt đầu triển khai các hoạt động trồng rừng cho tới khi kết thúc chu kỳ khai thác.

**Điều 5: Cam kết thực hiện và hình thức xử phạt vi phạm hợp đồng**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng trao đổi, tìm giải pháp thích hợp.
- Bên nào vi phạm các điều trong hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Trường hợp hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp hoặc các vấn đề vi phạm hợp đồng thì các điều đó sẽ được giải quyết bằng các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**Điều 6: Thời gian hiệu lực của hợp đồng**

- Hợp đồng này được làm thành 06 bản và có hiệu lực từ ngày có đủ chữ ký và đóng dấu. Bên A giữ 1 bản; bên B giữ 1 bản; UBND xã giữ 01 bản; Trưởng thôn (Trưởng nhóm hộ) giữ 01 bản, Cơ quan kiểm lâm huyện Cao Phong giữ 01 bản; UBND huyện Cao Phong lưu giữ 1 bản. Các bản hợp đồng đều có giá trị pháp lý như nhau.

- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hoặc khi hai bên cùng nhất trí huỷ bỏ hợp đồng

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Chứng nhận của**

**ĐẠI DIỆN BÊN UBND XÃ**

**TRƯỞNG THÔN/TRƯỞNG NHÓM  
HỘ**

**ĐẠI DIỆN KIỂM LÂM HUYỆN CAO  
PHONG**

**UBND HUYỆN CAO PHONG**

## Quy trình vận hành tiêu chuẩn (dự thảo)

### 1. Kế hoạch giám sát

Việc giám sát lượng GHG thuần túy theo đường cơ sở loại bỏ bằng hấp thụ không cần thiết theo như phương pháp đã được áp dụng AR-AMS0001 phiên bản 04.1 (chương 36). Mục này được giám sát ở bảng 1 của phương pháp đã được áp dụng.

#### 1.1 Giám sát trồng rừng

##### (1) Vị trí của ranh giới dự án và phân tầng

Việc xác định khu vực nơi tiến hành các hoạt động dự án sẽ được cân nhắc trong phạm vi sử dụng GPS và kiểm tra, ghi lại bởi GIS. Nó được kiểm soát trong 5 năm trước khi xác minh.

Việc phân tầng để ước tính lượng khí nhà kính thực tế bị loại bỏ trước nên được chỉ rõ để cải thiện độ chính xác khi ước tính lượng sinh khối. Phương pháp luận đòi hỏi sự chính xác với sai số  $\pm 10\%$  của mức độ tin cậy bình quân 95% áp dụng cho cách tiếp cận phân tầng (Chương 38). Tuy nhiên, chỉ tiêu này có thể đạt được bằng những thông qua sự phân tầng, mà còn cả sự kết hợp phân tầng, số lượng và qui mô của các định vị tiêu chuẩn. Vùng dự án sẽ được phân tầng ở tầng 3, theo kế hoạch dự án trồng các loài cây và các nhóm tuổi được miêu tả trong bảng 1.

**Bảng 1 Phân tầng ước tính lượng GHG thực tế bị loại bỏ trước (ex-ante)**

Tầng	Loài	Năm trồng
Tầng 1	<i>A. mangium</i>	Năm 0
Tầng 2	<i>A. mangium</i>	Năm 1
Tầng 3	<i>A. auriculiformis</i>	Năm 1

Các chuyên gia lâm nghiệp sẽ khảo sát vùng trồng rừng ít nhất 1 lần mỗi năm để kiểm tra tình hình và chất lượng của khu rừng trồng. Nếu phát hiện khu rừng trồng nào không đạt yêu cầu, sẽ tạo một tầng hoặc phân tầng mới bổ xung.

##### (2) Quy mô của vùng trồng rừng

Quy mô của vùng tiến hành các hoạt động dự án theo từng phân tầng cũng sẽ được đo đếm tại thực địa bằng GPS và kiểm tra, ghi chép bằng GPS. Sẽ tiến hành 5 năm 1 lần trước khi kiểm chứng. Các chuyên gia lâm nghiệp sẽ khảo sát vùng rừng trồng ít nhất là mỗi năm một lần để kiểm tra tình hình và chất lượng rừng trồng

##### (3) Kích thước và vị trí của ô mẫu định vị

Kích thước ô mẫu định vị ít nhất là 20m x 20m. Số lượng các ô mẫu định vị cho mỗi phân tầng cần thiết để ước tính lượng sinh khối của dự án với sai số  $\pm 10\%$  của mức tin cậy bình quân 95% sẽ được



xác định theo công cụ phương pháp luận “Tính toán số lượng ô mẫu định vị để đo đếm trong khuôn khổ một các hoạt động dự án A/R CDM (công cụ hệ phương pháp)”, “Tài liệu tham khảo về sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và các dự án lâm nghiệp<sup>1</sup>” và “Điều tra rừng<sup>2</sup>”. Nếu cần thiết, tiến hành giám sát trước để có được các thông số cần thiết cho việc tính toán với các công cụ như sự sai lệch tiêu chuẩn của đường kính ngang ngực của cây trong mỗi phân tầng, trước khi tiến hành lần giám sát đầu tiên. Vị trí của các ô mẫu định vị sẽ được lựa chọn ngẫu nhiên tại mỗi phân tầng bằng công cụ GIS và xác định bằng GPS tại hiện trường/cánh đồng.

## 1.2 Giám sát lượng dự trữ Carbon

Sẽ tiến hành giám sát lượng Carbon tại các bề sinh khối trên và dưới mặt đất theo phương pháp luận được áp dụng.

### (1) Sinh khối trên mặt đất

Để ước tính sinh khối trên mặt đất đường kính ngang ngực (1,3m, DBH) và chiều cao (H) của tất cả các cây trong các ô mẫu định vị sẽ được đo đếm 5 năm một lần trước khi kiểm chứng. Đồng thời, số cây chết sẽ được xác định. Phương trình tương quan sinh trưởng được xây dựng mang tính địa phương hay quốc gia cho mỗi loài cây trồng sẽ được sử dụng để ước tính lượng sinh khối trên mặt đất. Nếu phương trình tương quan không có sẵn, sẽ sử dụng phương trình trong phụ lục C của phương pháp luận được áp dụng (từ bước 1 đến bước 3 (i) phần 42 trong phương pháp luận được áp dụng).

### (2) Sinh khối dưới mặt đất

Lượng Carbon dưới mặt đất sẽ được tính dựa vào lượng carbon trên mặt đất với việc sử dụng phương trình (28) trong phương pháp luận đã được lựa chọn.

$$PB(t) i = \exp(-1.085 + 0.9256 * \ln E(t) i) * 0.5 \quad (28)$$

Trong đó:

$PB(t) i =$  Dự trữ cacbon trong sinh khối dưới mặt đất tại thời điểm  $t$  do các hoạt động dự án tạo ra trong giai đoạn chuyển tiếp giữa hai kỳ giám sát

$E(t) i =$  Ước tính sinh khối trên mặt đất tại thời điểm  $t$  đạt được từ hoạt động của dự án ( $t$  d.m./ha)

0,5 = Tỷ lệ cacbon trong vật liệu khô ( $t$  C/t d.m.)

<sup>1</sup> Pearson T., Walker S. and Brown S. (2005) “Sourcebook for Land Use, Land-Use Change and Forestry Projects” ([http://www.winrock.org/ecosystems/files/Winrock-BioCarbon\\_Fund\\_Sourcebook-compressed.pdf](http://www.winrock.org/ecosystems/files/Winrock-BioCarbon_Fund_Sourcebook-compressed.pdf))

<sup>2</sup> Vu Tien Hinh & Pham Ngoc Giao (1997) Dieu Tra Rung (Forest Inventory) This is a standard text book used in the VFU.

### 1.3 Giám sát phát thải dự án

Lượng phân bón sử dụng trong dự án sẽ được giám sát. Khối lượng và tên gọi của phân bón sẽ được ghi chép mỗi khi sử dụng. Mức độ đáng kể của phát thải  $N_2O$  từ bón phân sẽ được đánh giá theo “Công cụ phương pháp luận A/R: ước tính phát thải  $N_2O$  trực tiếp từ bón phân đạm” theo phương pháp luận (chương 47 của phương pháp luận đã được lựa chọn).

### 1.4 Giám sát rò rỉ

Các mục được giám sát trong bảng 2 của hệ phương pháp luận được lựa chọn. Theo chương 48 của hệ phương pháp luận được lựa chọn, mỗi chỉ số sau đây sẽ được giám sát trong giai đoạn tín chỉ đầu tiên:

- (a) Diện tích canh tác trong phạm vi ranh giới dự án bị triệt tiêu do hoạt động dự án
- (b) Số lượng gia súc trong phạm vi ranh giới dự án bị mất chỗ chăn thả do các hoạt động dự án
- (c) Đối với gia súc thả rông, số lượt gia súc bình quân trên mỗi ha trong phạm vi ranh giới dự án bị mất chỗ chăn thả do hoạt động dự án.

Do (a) và (c) được xác định trong các hoạt động theo đường cơ sở, hai chỉ số này sẽ được giám sát trong các hoạt động dự án. Số liệu rò rỉ trước và sau sẽ được xử lý như sau:

#### (1) Dịch chuyển đất canh tác

Đã thỏa thuận với các chủ sử dụng đất rằng họ sẽ chấm dứt canh tác trong phạm vi ranh giới dự án trước khi dự án bắt đầu. Về sau, họ sẽ khó có thể tiến hành hoạt động canh tác mới ngoài ranh giới dự án bởi vì hầu hết đất đai trong xã đã được giao tới các hộ gia đình. Tuy nhiên, theo dự án đề ra, đất canh tác tồn tại trong vùng dự án trước khi bắt đầu dự án (= trong đường cơ sở) đã được coi là rò rỉ và vùng đất canh tác này đã được đánh giá trước khi bắt đầu dự án (=7,07 ha trong PDD).

Cần thận trọng khi sử dụng diện tích đất canh tác này để ước tính rò rỉ trước và sau và việc giám sát diện tích đất canh tác bị chuyển đổi là không cần thiết. Diện tích đất canh tác trong ranh giới dự án nên được xác định lớn hơn 30% diện tích vùng dự án trong khi giám sát và diện tích đất canh tác hiện có thuộc khảo sát đường cơ sở (=7,07 ha) được sử dụng để tính lượng rò rỉ.

Termination of all the cultivation activity inside the project boundary will be confirmed at the time of monitoring.

Việc chấm dứt tất cả các hoạt động canh tác trong ranh giới dự án sẽ được xác nhận khi giám sát.

#### (2) Dịch chuyển chăn thả gia súc

Không có trâu bò nuôi nhốt (cố định) trong phạm vi ranh giới vùng dự án trước khi bắt đầu dự án.

Chính vì vậy, không cần giám sát loại dịch chuyển này.

### **(3) Dịch chuyển gia súc thả rông**

Số lượng gia súc thả rông trong phạm vi ranh giới dự án đã được ước tính trước khi khởi công dự án trong quá trình ước tính rò rỉ trước và đã cho rằng toàn bộ số gia súc này sẽ bị dịch chuyển. Vì chúng ta sử dụng phương pháp tùy chọn để giảm thiểu dịch chuyển của gia súc (hỗ trợ tăng sản lượng cỏ khô), con số này được coi là số lượng tối đa tiềm năng của gia súc bị chuyển dịch.

Vì vậy sẽ không nhất thiết phải giám sát số lượng gia súc thả rông sẽ bị dịch chuyển và sẽ là thận trọng khi lấy số lượng gia súc ước tính trung bình trong ước tính trước (từ 0,12 đến 0,35 trong PDD). Tuy nhiên, sẽ khẳng định lại rằng tất cả các hoạt động chăn thả gia súc trong vùng dự án đã chấm dứt.

Cuối cùng, rò rỉ có thể được ước tính theo chương 49 của phương pháp luận được áp dụng.

## **2. Phòng chống cháy**

Quỹ Phát triển rừng, hợp tác với UBND huyện và các xã liên quan, sẽ thúc đẩy việc thành lập các đội phòng chống cháy rừng tại các thôn bản liên quan để phòng chống cháy rừng và giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng. Thành viên của các đội sẽ bao gồm đại diện của các hộ gia đình tham gia dự án và được huấn luyện hàng năm. Phương pháp tiêu chuẩn về phòng chống cháy rừng ở Việt Nam được đề cập đến trong cẩm nang ngành lâm nghiệp, chương 18: “Quản lý lửa rừng” (MARD xuất bản)<sup>3</sup>.

Trường hợp có cháy rừng tự phát, côn trùng, sâu bệnh xâm hại và các trường hợp khác ảnh hưởng đến lượng GHG được loại bỏ, diện tích và vị trí của vùng bị thiệt hại cần được báo cáo. Nếu phát hiện vùng thiệt hại nghiêm trọng dưới mức cho phép, việc phân tầng có thể được xem xét lại ở thời điểm giám sát tiếp theo để kiểm chứng.

## **3. Thủ tục kiểm tra (QC) và đảm bảo chất lượng (QA)**

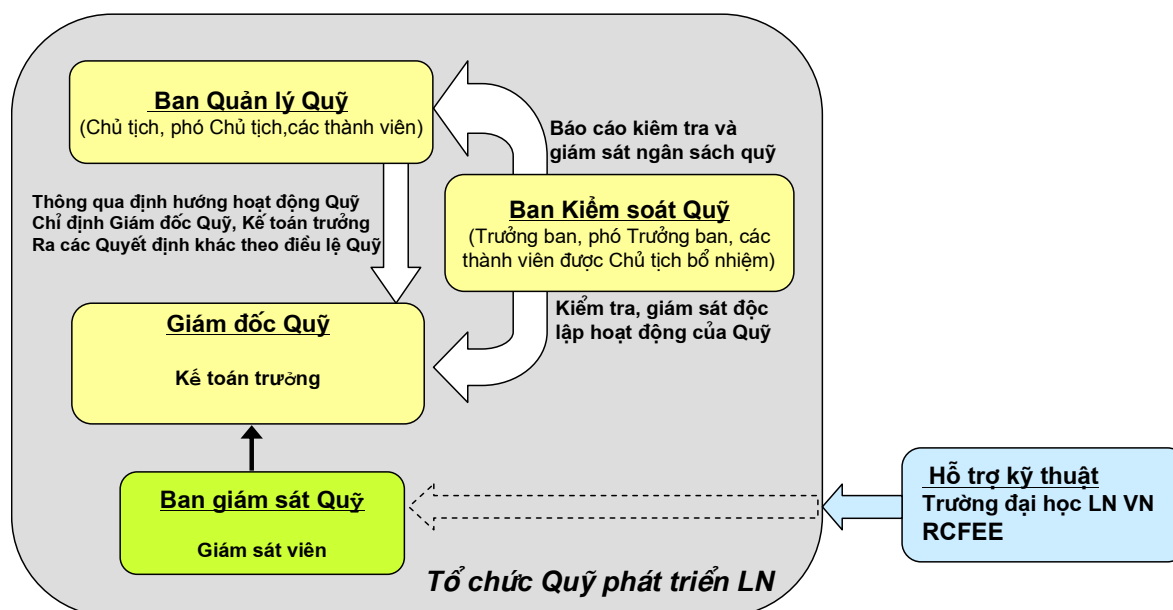
Tất cả dữ liệu sẽ được giữ trong 2 năm sau khi kết thúc giai đoạn tín chỉ cuối cùng trên bản in và file điện tử. Nên có các bản dự phòng để đảm bảo về chất lượng và kiểm soát chất lượng. Để đảm bảo chất lượng dữ liệu, nên sử dụng phương pháp QA và QC trong “Hướng dẫn thực hành IPCC cho LULUCF”

---

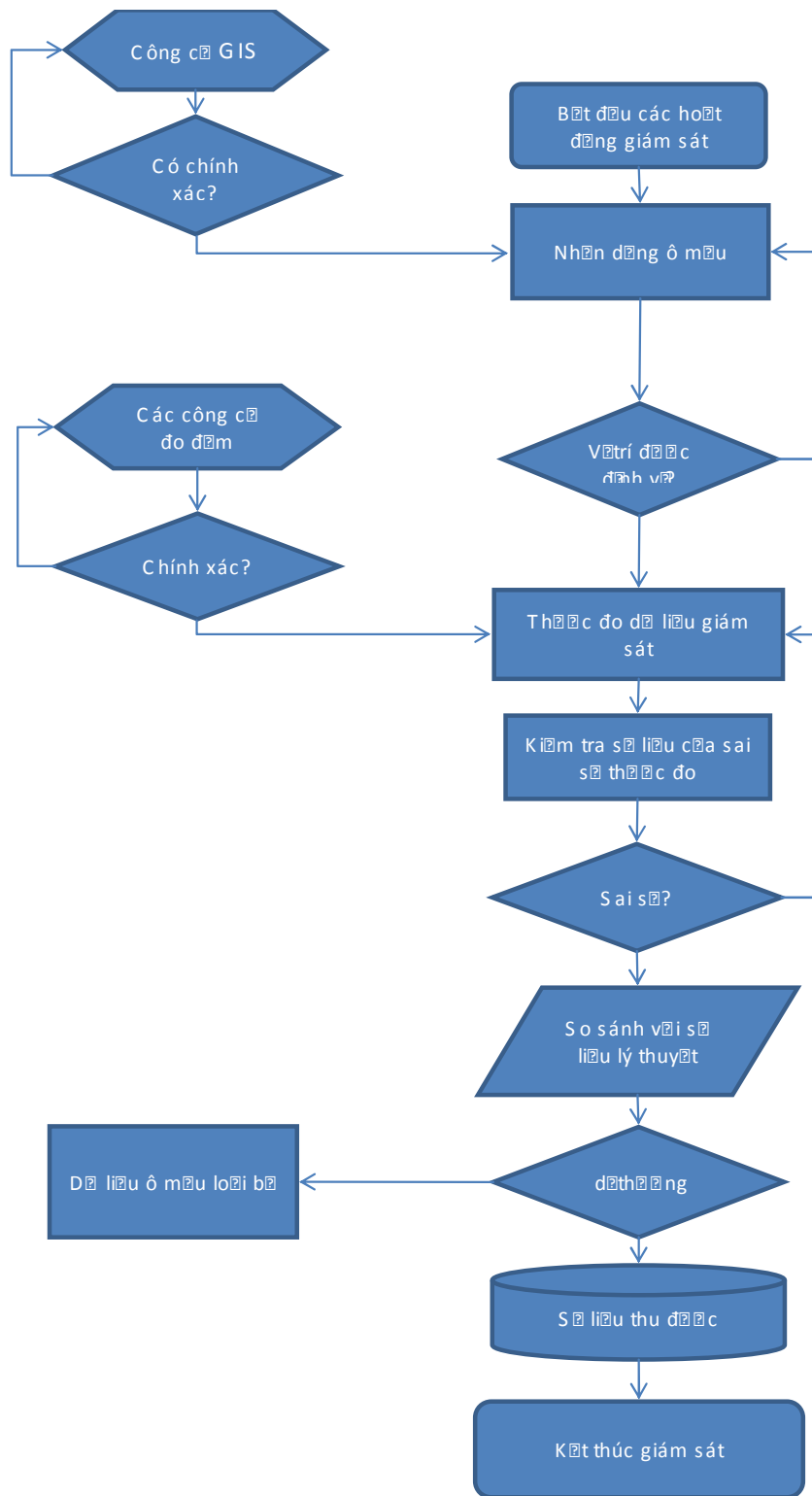
<sup>3</sup> [http://www.vietnamforestry.org.vn/list\\_news.aspx?ncid=36](http://www.vietnamforestry.org.vn/list_news.aspx?ncid=36)

### 3.1 Giám sát (Cơ cấu quản lý và hoạt động)

Bộ phận giám sát và người giám sát sẽ do Quỹ phát triển rừng chỉ định. Bộ phận giám sát bao gồm các thành viên đã được đào tạo tốt sẽ tiến hành khảo sát thực địa và thu thập số liệu từ các ô mẫu định vị. Số liệu này được xử lý và tính toán các theo phương pháp được áp dụng. Người kiểm tra bộ phận giám sát là những chuyên gia trong lĩnh vực lâm nghiệp sẽ xem xét lại các số liệu đã được tập hợp và hoàn tất báo cáo giám sát để phục vụ công việc kiểm chứng., sau đó đệ trình tới giám đốc Quỹ Phát triển rừng. Giám đốc xem xét lại Báo cáo giám sát sau đó gửi tới DOE để thẩm định khi chất lượng báo cáo được đảm bảo.



Cơ cấu quản lý và hoạt động giám sát dự án được nêu trong số 1.



**Hình 1 dòng chảy QC/QA trong các hoạt động dự án**

**(1) Đào tạo đội ngũ**

Hoạt động giám sát được thực hiện bởi cán bộ đã được tập huấn. Việc tập huấn cho đội ngũ cán bộ nhân viên của các bên liên quan về các hoạt động giám sát dựa theo “Vũ Tiến Hình & Phạm Ngọc

Giao (1997) Điều Tra Rừng”. Sau khi hoàn thành tập huấn, tên của cán bộ nhân viên được ghi lại trong báo cáo về đào tạo. Những người đã tham gia khoá học Điều tra rừng ở Đại học Lâm nghiệp được ghi tên trong danh sách những người đã được đào tạo (không cần đào tạo thêm).

Bộ phận giám sát bao gồm những người đã được đào tạo. Trong đó, những người có trình độ đại học về lĩnh vực lâm nghiệp là thành viên chính thức và được gọi là người kiểm soát của bộ phận giám sát. Trong trường hợp số lượng người có trình độ đại học về lĩnh vực lâm nghiệp không đủ, Giám đốc Quỹ phát triển rừng sẽ quyết định bằng cấp có thể được thay thế cho bằng lâm nghiệp và ghi tên những cá nhân đáp ứng yêu cầu theo trách nhiệm của họ, ghi lại tên và trình độ của những người giám sát vào danh sách.

## **(2) Hoạt động điều tra hiện trường**

Giám đốc Quỹ phát triển rừng lên kế hoạch cho hoạt động điều tra thực địa để thu thập số liệu trong phần B.8.1.1.1 và B.8.1.2.1 của PDD. Hoạt động điều tra thực địa được chi dẫn trong “Điều tra rừng” (1997) Vũ Tiến Hình và Phạm Ngọc Giao.

Số liệu điều tra ngoài thực địa có thể được đo lại ngẫu nhiên cho 8-10 ô định vị thuộc vùng ô mẫu định vị và được đối chiếu với kết quả thăm tra. Kết thúc quá trình điều tra thực địa, đối chiếu ít nhất 10% các số liệu thu được với các tài liệu lý thuyết dùng tham khảo để tìm ra các sai sót, sửa lỗi và ghi lại.

## **(3) Kiểm tra việc nhập và phân tích số liệu**

Người kiểm soát thực hiện nhập và phân tích số liệu là người không tham gia điều tra thực địa. Mọi số liệu nhập vào trong mẫu biểu để tránh nhầm lẫn. Nếu có bất cứ vấn đề nào nảy sinh trong việc giám sát dữ liệu ô định vị mà không thể xử lý được thì ô đó không được sử dụng để phân tích.

## **(4) Lưu trữ số liệu**

Dữ liệu chính xác được lưu trong sổ sách và trên bản điện tử. Tất cả các số liệu ngoài thực địa, kết quả phân tích số liệu, các bản báo cáo giám sát và các bản số liệu GIS được lưu tại văn phòng Quỹ phát triển rừng và bản sao được lưu tại VFU. Mỗi tập tài liệu và báo cáo có mã số riêng và được lưu ở vị trí cụ thể. Người kiểm soát xác nhận việc lưu trữ tài liệu khi kết thúc buổi giám sát.

## **4. Rà soát nội bộ việc thực hiện dự án**

Tiến trình và việc thực hiện các hoạt động của dự án sẽ được giám sát thường xuyên bởi Ban giám sát phối hợp với Lãnh đạo các thôn bản có liên quan tới dự án. Cán bộ giám sát cần ghi chép kết quả giám sát và báo cáo với Lãnh đạo ban giám sát, Lãnh đạo ban giám sát sẽ báo cáo tới Giám đốc Quỹ. Giám đốc Quỹ sẽ triệu tập cuộc họp khẩn cấp bao gồm các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ khi có những vấn đề quan trọng phát sinh để thảo luận và quyết định phương án giải quyết các vấn đề

trên.

Cán bộ giám sát cũng cần phác thảo báo cáo hàng năm, mô tả tiến trình và việc thực hiện các hoạt động dự án bao gồm cả các vấn đề về tài chính. Báo cáo phác thảo hàng năm sẽ được rà soát lại và hoàn thiện bởi Giám đốc Quỹ và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Báo cáo thường niên này sẽ được đệ trình tới các nhà chức trách của tỉnh và huyện có liên quan đồng thời gửi tới những người hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật cho dự án.

### CL18: Sự khiếm tốn trong tính lượng GHG bị loại bỏ

Sử dụng diện tích trồng rừng thuần tuý	Diện tích trồng rừng thuần tuý được sử dụng để tính toán lượng GHG bị loại bỏ. Diện tích này nhỏ hơn diện tích vùng dự án được xác định bằng GIS và được ước tính dựa trên dự đoán rằng có một số khu vực không thể trồng cây do có những thung lũng nhỏ và một số vùng có đá lộ đầu. Để ước tính diện tích gây trồng thuần tuý, sử dụng tỷ lệ 88% và 80% GIS để xác định diện tích lần lượt ở Xuân Phong (địa điểm 1, 2 và 3) và Bắc Phong (địa điểm 4 và 5) (tham khảo phần 5.5.1 Báo cáo giữa kì (2)).
SV (Thể tích thân cây)	Phương trình về chỉ số điểm thấp nhất (Cấp năng suất thứ III: đất rất nghèo) được dùng để ước tính thể tích thân cây để ước tính một cách khiếm tốn lượng GHG bị loại bỏ.
BEF (Yếu tố tăng trưởng sinh khối)	BEF cho cây lá rộng ở vùng ôn đới (1.4) trong bảng 3A.1.10 “Hướng dẫn thực hành của IPCC cho LULUCF (2005) đã được sử dụng mặc dù vùng dự án nằm trong vùng á nhiệt đới. IPCC GPG cung cấp BEF cho cây lá rộng trong vùng nhiệt đới nhưng không cung cấp cho vùng trong vùng á nhiệt đới (3.4). Việc lựa chọn các kết quả BEF nằm trong ước tính khiếm tốn lượng GHG bị loại bỏ.
Rò rỉ (Đất canh tác)	Mặc dù người dân canh tác trong vùng dự án đã đồng ý bắt đầu hoặc không bắt đầu các hoạt động canh tác ngoài ranh giới vùng dự án, lượng rò rỉ từ dịch chuyển canh tác đã được tính toán (tham khảo phần 5.7.4 Báo cáo giữa kì (2))
Rò rỉ (chăn thả gia súc)	Phương pháp luận đã khẳng định sinh khối của rừng tự nhiên hiện có ngoài vùng dự án có thể mất đi bởi các dịch chuyển chăn thả gia súc bằng cách phát quang tạo vùng đất mới cho chăn thả gia súc. Tình huống này không được đề cập trong dự án ( và do đó việc tính rò rỉ là không cần thiết). Tuy nhiên rò rỉ từ dịch chuyển gia súc chăn thả được tính theo phương pháp luận đã được lựa chọn.

### Điều không chắc chắn trong tính lượng GHG bị loại bỏ

Phương pháp tiếp cận AR-CDM qui mô thông thường (e.g., AR-AM0001) yêu cầu cách đánh giá của điều không chắc chắn ở trong phần 10. Tuy nhiên, phương pháp đơn giản của AR-CDM qui mô nhỏ (AR-AMS001) không miêu tả cách đánh giá không chắc chắn. Chúng ta hiểu rằng cách tính không chắc chắn không yêu cầu cho AR-CDM qui mô nhỏ.



**CL19: Sự khiêm tốn trong ước tính đường cơ sở**

Tính toán lượng Cacbon dự trữ đường cơ sở - B(t)	Để tính toán lượng Cacbon dự trữ đường cơ sở, sử dụng tỷ lệ gốc rễ trên cành ngọn (R) cho đất trắng cỏ là 1,58 và cây bụi là 2,83 đã được trình bày trong bảng 3A.1.8 của IPCC GPG cho LULUCF theo phương pháp đã được phê duyệt. Tuy nhiên, R đã tính toán sử dụng số liệu điều tra thực địa (giữa 0,50 và 1,35) nhỏ hơn so với tỷ lệ đã đề cập trong IPCC GHG cho LULUCF. Điều này cho thấy lượng Cacbon dự trữ đường cơ sở được tính theo phương pháp luận đã được phê chuẩn là cao hơn B(t) so với sử dụng số liệu điều tra. B(t) đã được ước tính theo phương pháp luận là sự ước tính rất khiêm tốn trong trường hợp này.
B(t) (in deltaCBSL,t)	Lượng cacbon dự trữ đường cơ sở được xem là khiêm tốn mặc dù có thể tăng khi đất đai xấu đi dưới tác động của các hoạt động của con người